

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦU KÈ  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-02-2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Chí Công.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Đinh Thị Tình;

Ông Sơn Hương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lâm Thành Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè không tham gia phiên tòa.***

Ngày 24 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị X, sinh năm 1992 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

*Bị đơn:* Anh Thạch N, sinh năm 1987 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 9 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Thạch Thị X là nguyên đơn trình bày:*** chị và anh Thạch N chung sống với nhau vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Ân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Thạch Minh Q, sinh ngày 05/6/2015. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất

đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn hạnh phúc.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị X yêu cầu ly hôn với anh Thạch N.

Về con chung: Chị Thạch Thị X đồng ý giao con chung tên Thạch Minh Q, sinh ngày 05/6/2015 cho anh Thạch N trực tiếp nuôi dưỡng, chị X không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Thạch Thị X không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị Thạch Thị X khai chị và anh N không có nợ ai.

**Anh Thạch N là bị đơn có lời khai trình bày:** Anh và chị Thạch Thị X chung sống với nhau vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Ân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Thạch Minh Q, sinh ngày 05/6/2015. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn hạnh phúc.

Về quan hệ hôn nhân: Anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa nên cũng thống nhất đồng ý ly hôn với chị Thạch Thị X.

Về con chung: Anh N yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Thạch Minh Q, sinh ngày 05/6/2015, anh không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh N khai anh chị X không có nợ ai.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và bị đơn cư trú tại ấp T, xã A, huyện K, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị X và anh Thạch N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn của chị X và anh N là bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, chung sống với nhau không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên chị X kiên quyết xin ly hôn với anh Thạch N, chị X không mong muốn Tòa án tổ chức phiên hoà giải để hàn gắn tình cảm vợ

chồng, tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân đồng thời theo lời khai của anh N tại bản tự khai anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh N thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị X. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên áp dụng Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thạch Thị X và anh Thạch N.

[4] Về con chung: Anh Thạch N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Thạch Minh Q, sinh ngày 05/6/2015. Đồng thời, chị X cũng đồng ý giao con chung cho anh N nuôi dưỡng. Xét thấy, từ trước đến nay con chung sống với anh N và anh N vẫn đảm bảo việc nuôi con tốt. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự là: Giao cháu Thạch Minh Q, sinh ngày 05/6/2015 cho anh Thạch N tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật nhưng anh N không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về chia tài sản: Chị Thạch Thị X và anh Thạch N cùng thống nhất không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị Thạch Thị X và anh Thạch N khai không có nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Buộc chị Thạch Thị X phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thạch Thị X và anh Thạch N.

Về con chung: Giao con chung tên Thạch Minh Q, sinh ngày 05/6/2015 anh Thạch N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh Thạch N không yêu cầu chị Thạch Thị X cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về chia tài sản: Chị Thạch Thị X và anh Thạch N cùng thống nhất không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Thạch Thị X và anh Thạch N khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Thạch Thị X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004851 ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, chị X đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CC.THA-DS huyện Cầu Kè;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Chí Công**